

Số: /QĐ-UBND

Hà Nam, ngày tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và số 92/2017NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh tại Tờ trình số 87/TTr-BQLKCN ngày 09 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ Quyết định số 2587/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ - Cục KSTTHC (đề b/c);
- TTTU, HĐND tỉnh (đề b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐVP, KSTT, TTPVHCC, KGVX (D);
- Lưu: VT, KSTT (P).

CHỦ TỊCH

Trương Quốc Huy

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HÀ NAM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng				
1	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	25 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ban Quản lý các Khu công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không	- Luật Xây dựng số 48/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018; - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 3/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ; - Thông tư 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng ; - Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng; Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND tỉnh Hà Nam.
2	Thủ tục thẩm định và điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	10 ngày làm việc		Không	- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 30/11/2016 của Bộ Tài chính

3	Thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình trong khu công nghiệp thuộc trách nhiệm quản lý của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh	05 ngày làm việc		Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020; - Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ
4	Thủ tục phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu công nghiệp đã được phê duyệt (nhưng không làm thay đổi cơ cấu sử dụng đất)	10 ngày làm việc		Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020 - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 3/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng; - Quyết định 26/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam; - Quyết định 29/2018/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam.

5	Thủ tục Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình trong các khu công nghiệp (bao gồm các công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II.)	08 ngày làm việc		Lệ phí 100.000VNĐ/1 giấy phép	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020; - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ; - Quyết định 26/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam; - Quyết định 29/2018/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam. - Quyết định số 39/2020/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam. - Nghị định 18/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam.
6	Thủ tục Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình trong các khu công nghiệp (bao gồm các công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II.)	08 ngày làm việc		Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020; - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ;
7	Thủ tục Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình trong các khu công nghiệp (bao gồm các công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II.)	02 ngày làm việc		Không	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định 26/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam;

8	Thủ tục Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình trong các khu công nghiệp (bao gồm các công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II.)	02 ngày làm việc		Không	- Quyết định 29/2018/QĐ-UBND ngày 31/8.2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về ban hành quy định lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý quy hoạch xây dựng, cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam.
II Lĩnh vực Quản lý Lao động					
1	Thủ tục Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp trong khu công nghiệp	3 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ban quản lý khu công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hà Nam	600.000 đồng/một giấy phép	- Bộ Luật Lao động năm 2019; - Nghị Quyết 18/2020/NQ-HĐND quy định về thu phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Nam; - Nghị định 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế; - Nghị định 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định Quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam;
2	Thủ tục Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp trong khu công nghiệp	02 ngày làm việc		450.000 VNĐ/1 giấy phép	- Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND tỉnh Hà Nam về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam.
3	Thủ tục Thu hồi giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp trong khu công nghiệp	3 ngày làm việc		Không	

4	Thủ tục Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp trong khu công nghiệp	05 ngày làm việc		Không	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Luật Lao động năm 2019; - Nghị định 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế; - Nghị định 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ; - Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND tỉnh Hà Nam
5	Thủ tục Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp Giấy phép lao động làm việc tại các doanh nghiệp trong khu công nghiệp.	02 ngày làm việc		Không	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14; - Nghị định 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế; - Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ;
6	Thủ tục Đăng ký nội quy lao động đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp	02 ngày làm việc		Không	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND tỉnh Hà Nam.
7	Thủ tục Chấp thuận cho phép người lao động nước ngoài tạm trú tại các doanh nghiệp trong khu công nghiệp	01 ngày làm việc		Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật số 47/2014/QH13 về Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam. - Luật số 51/2019/QH14 Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13. - Thông tư 40/2015/TT-BCA ngày 05/01/2015 của Bộ Công an - Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ. + Nghị định 11/2016/NĐ-CP ngày 03/2/2016 của Chính phủ;

					- Quyết định 16/2014/QĐ-UBND ngày 19/5/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam - Quyết định 30/2018/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam
8	Thủ tục Hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động làm việc tại các doanh nghiệp trong khu công nghiệp	05 ngày làm việc		Không	- Nghị định 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ. - Quyết định 17/2014/QĐ-UBND ngày 03/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam. - Quyết định 35/2017/QĐ-UBND ngày 25/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam
9	Thủ tục Thông báo tổ chức làm thêm giờ từ 200 giờ đến 300 giờ trong một năm của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp	03 ngày làm việc		Không	- Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14; - Nghị định 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế; - Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 32/2014/TT-BLĐTBXH ngày 01/12/2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Thông tư số 54/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16/12/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
					- Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14. - Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và

10	Thủ tục Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập ở nước ngoài dưới 90 ngày của doanh nghiệp trong khu công nghiệp	03 ngày làm việc		Không	quan hệ lao động; - Nghị định 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế; - Nghị định 38/2020/NĐ-CP ngày 3/4/2020 của Chính phủ; - Thông tư 21/2007/TT-BLĐTBXH ngày 08/10/2007 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội
III	Lĩnh vực quản lý Đầu tư				
1	Quyết định chủ trương đầu tư của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam	12 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021.
2	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	08 ngày làm việc	Ban quản lý khu công nghiệp tại Trung tâm		
3	Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	18 ngày làm việc	Phục vụ Hành chính công tỉnh Hà Nam		
4	Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý	13 ngày làm việc			
5	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận	07 ngày làm việc			

	điều chỉnh chủ trương đầu tư			
6	Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư	18 ngày làm việc		
7	Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm	18 ngày làm việc		
8	Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư	18 ngày làm việc		
9	Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế	18 ngày làm việc		
10	Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp.	18 ngày làm việc		
11	Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh.	18 ngày làm việc		
12	Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã	06 ngày làm việc		

	được chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31-2021-NĐ-CP)				
13	Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	03 ngày làm việc			
14	Thủ tục Điều chỉnh, gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư	10 ngày làm việc			
15	Thủ tục Ngừng hoạt động của dự án đầu tư.	02 ngày làm việc			
16	Thủ tục Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	2 ngày			
17	Thủ tục Cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	04 ngày làm việc			
18	Thủ tục Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	02 ngày làm việc			
19	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	07 ngày làm việc			

20	Thủ tục Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	07 ngày làm việc			
21	Thủ tục Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	07 ngày làm việc			
IV	Lĩnh vực quản lý môi trường				
1	Thủ tục Đăng ký xác nhận / Đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường đối với dự án trong khu công nghiệp	4 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ban quản lý khu công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hà Nam	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 24/12/2015 của Chính phủ; - Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ; - Nghị định 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ; - Thông tư 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi; - Quyết định 31/2018/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam.
2	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/báo cáo đánh giá tác động môi trường lập lại đối với dự án trong khu công nghiệp	* Đối với thủ thẩm định, phê duyet BCĐGTĐMT đối với dự án đầu tư:		Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc nhóm 6 - Dự án công nghiệp, phụ biểu	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 24/12/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động

		<p>- Đối với BCĐGTĐMT tổ chức thẩm định thông qua Hội đồng: 15 ngày làm việc (nếu có). Trong đó:</p> <p>+ 10 ngày đối với bước thẩm định.</p> <p>+ 05 ngày đối với bước phê duyệt.</p> <p>- Đối với BCĐGTĐMT tổ chức thẩm định thông qua việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức liên quan: 13 ngày làm việc (nếu có). Trong đó:</p> <p>+ 8 ngày đối với bước thẩm định.</p> <p>+ 5 ngày đối với bước phê duyệt.</p> <p>* Đối với thủ tục BCĐGTĐMT lặp lại đối với dự án đầu tư :13 ngày làm, Trong đó:</p> <p>+ 8 ngày đối với bước thẩm định.</p> <p>+ 5 ngày đối với</p>		<p>số 8 kèm theo Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh Hà Nam. Cụ thể:</p> <p>+ Dự án có tổng mức đầu tư nhỏ hơn hoặc bằng 50 tỷ đồng: mức thu là 8.400.000 VNĐ.</p> <p>+ Dự án có tổng mức đầu tư từ trên 50 tỷ đồng đến dưới và bằng 100 tỷ đồng: mức thu là 10.500.000 VNĐ.</p> <p>+ Dự án có tổng mức đầu tư từ trên 100 tỷ đồng đến dưới và bằng 200 tỷ đồng: mức thu là 19.000.000 VNĐ.</p> <p>+ Dự án có tổng mức đầu tư từ trên 200 tỷ đồng đến dưới và bằng 500 tỷ đồng: mức thu là 20.000.000 VNĐ.</p> <p>+ Dự án có tổng mức đầu tư trên</p>	<p>môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;</p> <p>- Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;</p> <p>- Thông tư 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Thông tư 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;</p> <p>- Thông tư 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;</p> <p>- Quyết định 26/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND tỉnh Hà Nam;</p> <p>- Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh Hà Nam về một số loại phí, lệ phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường tại tỉnh Hà Nam.</p> <p>- Nghị quyết 18/2020/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam về quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Nam.</p>
--	--	--	--	---	--

		bước phê duyệt		500 tỷ đồng: mức thu là 26.000.000 VNĐ.	
3	Thủ tục Chấp thuận về môi trường đối với đề nghị điều chỉnh, thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt	6 ngày làm việc, không bao gồm thời gian chủ dự án hoàn thiện hồ sơ và thời gian phân tích mẫu chất thải		Không	- Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 24/12/2015 của Chính phủ; - Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ; - Nghị định 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế; - Thông tư 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và môi trường; - Thông tư 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
4	Thủ tục Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.	05 ngày làm việc		Không	- Thông tư 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định 26/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND tỉnh Hà Nam;
5	Thủ tục Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư trong khu công nghiệp	05 ngày làm việc		Không	
V	Lĩnh vực Quản lý Thương mại				
1	Thủ tục Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại khu công nghiệp	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và	3.000.000 đ (/giấy phép	- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt

2	Thủ tục Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại khu công nghiệp	02 ngày làm việc	trả kết quả Ban quản lý khu công nghiệp tại	1.500.000 đồng/giấy phép	Nam. - Nghị định 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.
3	Thủ tục Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại khu công nghiệp	02 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hà Nam	1.500.000đ /Giấy phép	- Thông tư 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định 07/2016/ND-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ.
4	Thủ tục Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại khu công nghiệp	02 ngày làm việc		1.500.000 đ/Giấy phép	- Quyết định 26/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam.
5	Thủ tục Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại khu công nghiệp	01 ngày làm việc		Không	- Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài chính - Thông Tư 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công thương